



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đồng Nai

Số 44

Ngày 10 tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

31-10-2023	Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND sửa đổi một số nội dung của Điều 3 Quy định về quản lý và sử dụng nghĩa trang cán bộ và người có công tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	3
03-11-2023	Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 7 Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	5

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

25-10-2023	Quyết định số 2605/QĐ-UBND về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân	8
------------	---	---

tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021

25-10-2023	Quyết định số 2606/QĐ-UBND về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 2)	10
25-10-2023	Quyết định số 2607/QĐ-UBND về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 2)	12
01-11-2023	Quyết định số 2695/QĐ-UBND về việc phê duyệt Khu vực phát triển đô thị Khu vực I thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	14
01-11-2023	Quyết định số 2696/QĐ-UBND về việc phê duyệt Khu vực phát triển đô thị Khu vực II thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	27
03-11-2023	Quyết định số 2711/QĐ-UBND về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ thực hiện phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	41
25-10-2023	Chỉ thị số 12/CT-UBND về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp	43
03-11-2023	Chỉ thị số 13/CT-UBND về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp	47
24-10-2023	Kế hoạch số 248/KH-UBND triển khai “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” năm 2023 trên địa bàn tỉnh	50

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi một số nội dung của Điều 3 Quy định về quản lý và sử dụng nghĩa trang cán bộ và người có công tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 146/TTr-LĐTĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 và Văn bản số 6434/SLĐTĐ-NCC ngày 25 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số nội dung của Điều 3 Quy định về quản lý và sử dụng nghĩa trang cán bộ và người có công tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 3, như sau:

“a) Đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng từ 50 năm trở lên và có đăng ký thường trú tại thành phố Biên Hòa (không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này)”.

2. Bãi bỏ một số điểm, khoản tại Điều 3, như sau:

- a) Bãi bỏ điểm c khoản 2.
- b) Bãi bỏ khoản 4.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc quản lý trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2023./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 7 Quy định về quản lý hoạt động
Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số
11/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính
phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3
năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
547/TTr-STNMT ngày 25 tháng 9 năm 2023 ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung
một số nội dung của Điều 7 Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên
địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 16
tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 7 Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 7 như sau:

“a) Nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường, thị trấn

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán trước khi trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

“a) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác do các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước

- Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến thẩm định về giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc phạm vi quản lý; căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá về đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý thực hiện thẩm định dự toán theo quy định.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 7 như sau:

“a) Các nhiệm vụ đo đạc bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ khác do các sở, ban, ngành làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước thì cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ.

Các nhiệm vụ đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác có sử dụng ngân sách nhà nước thì Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công trên cơ sở nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt hoặc chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ theo ủy quyền của cơ quan quyết định đầu tư.”

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc và Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2023./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2605/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4402/TTr-SGDĐT ngày 23 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 (Nghị quyết đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị quyết; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2606/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến luật quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 8217/STNMT-QH ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 2), cụ thể như sau:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa thực hiện:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường trong hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2024 vào kỳ họp cuối năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

c) Chỉ đạo triển khai công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án theo đúng tiến độ.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Tổ chức thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2023 thành phố Biên Hòa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2607/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến luật quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 8217/STNMT-QH ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 2), cụ thể như sau:

1. Giao Ủy ban nhân dân các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom và thành phố Biên Hòa thực hiện

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này trên địa bàn, có báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường trong hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 vào kỳ họp cuối năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Giám sát chặt chẽ và xử lý nghiêm các trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa không có trong danh mục kèm theo Nghị quyết.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa giải quyết hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác của các tổ chức theo thẩm quyền.

3. Giao Sở Tài chính thực hiện xác định tiền bảo vệ đất chuyên trồng lúa đối với các tổ chức và phối hợp cơ quan liên quan tổ chức thu, nộp đúng quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2695/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Khu vực phát triển đô thị
Khu vực I thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 2 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 143/TTr-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2022, Văn bản số 3930/SXD-QLHTĐT ngày 20 tháng 10 năm 2023, Văn bản số 4090/SXD-QLHTĐT ngày 27 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực phát triển đô thị với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên khu vực phát triển đô thị: Khu vực phát triển đô thị Khu vực I, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Cơ quan quản lý khu vực phát triển đô thị: Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị.

3. Địa điểm, ranh giới, quy mô và tính chất khu vực phát triển đô thị

a) Địa điểm, ranh giới

Khu vực phát triển đô thị Khu vực I thị trấn Trảng Bom bao gồm toàn bộ các Khu phố 4, 5, một phần của các Khu phố 1, 2, 3 thuộc thị trấn Trảng Bom và một phần của xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, phạm vi ranh giới giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp địa phận các Khu phố 1, 2, 3 thuộc thị trấn Trảng Bom và xã Sông Trầu.

- Phía Nam: Giáp xã Quảng Tiến và xã Đồi 61.

- Phía Đông: Giáp Khu công nghiệp Bàu Xéo.

- Phía Tây: Giáp Khu phố 3 thuộc thị trấn Trảng Bom và xã Quảng Tiến.

b) Quy mô: Khu vực phát triển đô thị Khu vực I thị trấn Trảng Bom có diện tích 510 ha.

c) Tính chất, các chức năng chính của khu vực

- Khu vực phát triển đô thị Khu vực I, thị trấn Trảng Bom có tính chất là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - xã hội của huyện Trảng Bom và các khu ở hiện hữu nâng cấp cải tạo và xây dựng mới.

- Chức năng chính của dự án phát triển đô thị đề xuất:

+ Trung tâm hành chính mới của huyện và thị trấn Trảng Bom.

+ Nhóm nhà ở xây dựng mới.

+ Các khu công trình công cộng (y tế, văn hóa, giáo dục...) phục vụ nhóm nhà ở và toàn đô thị.

+ Công viên cây xanh đô thị.

+ Các công trình hỗn hợp, thương mại dịch vụ.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và công trình đầu mối.

- Chức năng các dự án đầu tư thuộc khu vực phát triển đô thị được tổng hợp như sau:

STT	Tên khu vực phát triển đô thị, dự án phát triển đô thị	Diện tích (ha)	Chức năng
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khung (18 dự án)	20,38	- Đường giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đường.
2	Dự án hạ tầng xã hội khung (09 dự án)	43,03	- Trung tâm hành chính mới của huyện và thị trấn Trảng Bom. - Trung tâm Văn hóa tổ chức sự kiện huyện. - Nhà ở xã hội. - Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị. - Bệnh viện đa khoa xây dựng mới. - Công viên cây xanh đô thị.
3	Dự án phát triển đô thị (14 dự án)	62,19	- Nhóm nhà ở xây dựng mới. - Đất phát triển thương mại dịch vụ. - Cây xanh công viên khu ở.
	TỔNG CỘNG: 41 dự án	125,6	

d) Danh mục các dự án trong khu vực phát triển đô thị

- Dự án hạ tầng kỹ thuật khung: Phụ lục I.

- Dự án hạ tầng xã hội khung: Phụ lục II.

- Dự án phát triển đô thị: Phụ lục III.

4. Thời hạn thực hiện dự kiến

Thời hạn thực hiện dự kiến trong 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Đến năm 2025.

b) Giai đoạn 2: Từ năm 2026 đến năm 2030.

5. Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị

a) Sơ bộ khái toán

- Khái toán sơ bộ tổng vốn đầu tư khu vực phát triển đô thị Khu vực I theo giai đoạn của cả 3 nhóm dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội khung và dự án phát triển đô thị như sau:

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 1.636,1 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2 (2026 - 2030) : 1.335,0 tỷ đồng.

- Phân chia nguồn vốn đầu tư: Các dự án được dự kiến phân nguồn vốn (ngân sách hoặc xã hội hóa) với tổng khái toán của cả 3 nhóm dự án như sau:

+ Ngân sách nhà nước: 1.490.493.400 đồng (ngân sách tỉnh khoảng 382,4 tỷ đồng, ngân sách huyện khoảng 1.108,1 tỷ đồng), bao gồm:

• Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 754.713.700.000 đồng.

• Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến năm 2030): 735.779.700.000 đồng.

+ Nguồn vốn kêu gọi đầu tư, xã hội hóa: 1.480.604.000.000 đồng, bao gồm:

• Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 881.379.000.000 đồng.

• Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến năm 2030): 599.225.000.000 đồng.

b) Dự kiến các nguồn lực đầu tư

Nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị đề xuất từ các nguồn sau:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước, xã hội hóa, trái phiếu.

- Nguồn vốn của các nhà đầu tư huy động đầu tư các dự án phát triển đô thị.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Bảng tổng hợp Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom và các đơn vị liên quan tổ chức công bố hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị và quản lý thực hiện Khu vực phát triển đô thị theo đúng quy định hiện hành.

b) Quản lý, giám sát, phối hợp trong việc triển khai kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị.

c) Định kỳ hằng năm rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai Quyết định này.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét chọn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ quản lý khu vực phát triển đô thị theo khoản 6 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch - Đầu tư

a) Cung cấp thông tin và hướng dẫn các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án phát triển đô thị.

b) Rà soát bố trí vốn cho các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh theo giai đoạn để tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ quản lý khu vực phát triển đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến khu vực phát triển đô thị trên địa bàn quản lý theo đúng quy định hiện hành.

c) Phối hợp Sở Xây dựng công khai, công bố khu vực phát triển đô thị được phê duyệt.

d) Hằng năm trước ngày 15 tháng 12 rà soát, tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng tình hình, kết quả triển khai thực hiện các dự án trong khu vực phát triển đô thị và định hướng kế hoạch cho năm tiếp theo.

đ) Định kỳ hằng năm thực hiện rà soát các dự án trong khu vực phát triển đô thị để đề xuất điều chỉnh, bổ sung vào danh mục các dự án.

4. Các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Kho bạc Nhà nước Đồng Nai; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom phối hợp với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị trong việc triển khai thực hiện khu vực phát triển đô thị liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đồng Nai; đơn vị sự nghiệp

công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị; Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức

Phụ lục I
DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Giai đoạn thực hiện
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	
1	HTKT-01: Đường D6 (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trảng Bom - Xuân Lộc)	923	27,0	24.921	2021-2030
2	HTKT-02: Đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	411	18,0	7.398	2021-2025
3	HTKT-03: Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đình Tiên Hoàng đến Nguyễn Hoàng; đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến QL1A)	623	18,0	11.214	
4	HTKT-04: Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	451	19,0	8.569	
5	HTKT-05: Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Đình Tiên Hoàng đến Nguyễn Hoàng; đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ và đoạn nối Khu công nghiệp Bàu Xéo)	1.240	19,0	23.560	2021-2030
6	HTKT-06: Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	883	20,5	18.101,5	2021-2025
7	HTKT-07: Đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong)	602	17	10.234	
8	HTKT-08: Nâng cấp đường Hà Huy Tập	288	17	4.896	
9	HTKT-09: Đường Điện Biên Phủ	302	17	5.134	
10	HTKT-10: Đường 3/2 (đoạn Lê Duẩn đến Nguyễn Văn Linh)	246	20,5	5.043	2021-2030
11	HTKT-11: Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường Cao su và đoạn qua Trung tâm Khoa học sản xuất lâm nghiệp Đông Nam bộ)	430	19	8.170	
12	HTKT-12: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thị trấn Trảng Bom)	1.793	30	53.790	2021-2025
13	HTKT-13: Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nguyễn Văn Nghĩa)	342	20,5	7.011	2021-2030
14	HTKT-14: Đường khu vực K2-8 (từ Lê Duẩn đến Khu dân cư Bàu Xéo)	566	17	9.622	2026-2030
15	HTKT-15: Đường D1 (trục dọc Trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo) đoạn thuộc thị trấn Trảng Bom	361	17	6.137	2021-2030
16	HTKT-16: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	Trạm xử lý nước thải công suất 2000 m ³ /ngđ và hệ thống đường cống thu gom			2021-2025
17	HTKT-17: Dự án hạ ngầm hạ tầng kỹ thuật trên 3 trục đường chính: Đường 30/4, đường Hùng Vương và đường 3/2	Hạ ngầm hệ thống cáp điện, thông tin trên 3 tuyến đường chính của thị trấn, tổng chiều dài 3 tuyến đường là 7 km			2021-2030
18	HTKT-18: Dự án Hệ thống thoát nước áp Tấn Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61				2021-2025
Tổng cộng		9.461		203.800,5	

Phụ lục II
DỰ ÁN HẠ TẦNG XÃ HỘI KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án hạ tầng xã hội khung	Diện tích (ha)	Quy mô	Giai đoạn thực hiện
1	HTXH-01: Trung tâm hành chính mới	4,00	32.000 m ² sàn	2026-2030
2	HTXH-02: Trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom	0,45		2021-2025
3	HTXH-03: Công viên trung tâm thị trấn Trảng Bom	2,80		2021-2030
4	HTXH-04: Trung tâm Văn hóa và tổ chức sự kiện huyện	3,27		2021-2025
5	HTXH-05: Dự án nhà ở xã hội (khu đất trước kia là Trường Cao đẳng Nghề số 8)	9,00		2021-2030
6	HTXH-06: Xây mới trường trung học phổ thông và trường dạy nghề tại khu đất 7 ha thuộc dự án Trường Cao đẳng KTKT Đinh Tiên Hoàng cũ	7,06	1500 học viên	2021-2025
7	HTXH-07: Bệnh viện đa khoa (kêu gọi đầu tư xây dựng mới)	9,60	500 giường bệnh	2021-2030
8	HTXH-08: Dự án nhà ở xã hội (thuộc dự án Khu dân cư thị trấn Trảng Bom)	3,35		2021-2025
9	HTXH-09: Dự án nhà ở xã hội (thuộc dự án Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo)	3,50		
	Tổng	43,03		

Phụ lục III
CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên khu vực phát triển đô thị, dự án phát triển đô thị	Chức năng	Diện tích (ha)	Giai đoạn thực hiện
I	Khu vực thị trấn Trảng Bom		59,04	
1	Dự án PTĐT-DA01	Nhóm nhà ở	10,70	2021-2025
2	Dự án PTĐT-DA02	Nhóm nhà ở	1,50	
3	Dự án PTĐT-DA03	Nhóm nhà ở	12,50	
4	Dự án PTĐT-DA04	Nhóm nhà ở (bao gồm cả trường mầm non)	5,88	
5	Dự án PTĐT-DA05	Nhóm nhà ở, công cộng khu ở	10,32	
6	Dự án PTĐT-DA06	Nhóm nhà ở	7,02	
7	Dự án PTĐT-DA07	Đất TMDV	2,20	
8	Dự án PTĐT-DA08	Nhóm nhà ở	3,10	
9	Dự án PTĐT-DA09	Nhóm nhà ở (dự án khu nhà ở công nhân)	1,20	
10	Dự án PTĐT-DA10	Nhóm nhà ở	0,30	
11	Dự án PTĐT-DA11	Thương mại dịch vụ (khu đất UBND huyện hiện hữu)	3,50	
12	Dự án PTĐT-DA12	Thương mại dịch vụ (dự án khách sạn 3 sao)	0,61	
13	Dự án PTĐT-DA13 - Công viên cây xanh khu phố 2, thị trấn Trảng Bom	Công viên cây xanh	0,21	2026-2030
II	Khu vực Đồi 61		3,15	
14	Dự án PTĐT-DA14	Nhóm nhà ở	3,15	2021-2025
	Tổng cộng		62,19	

BẢNG: SƠ BỘ KHAI TOÁN, DỰ KIẾN CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. DỰ ÁN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (18 dự án):

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Đơn giá (Triệu đồng/m ²)			Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật	Công					
1	HTKT-01: Đường D6 (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trảng Bom - Xuân Lộc)	923	27,0	24.921	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			130.162,6	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
2	HTKT-02: Đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	411	18,0	7.398	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			14.701,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 2757/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	1
3	HTKT-03: Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đình Tiên Hoàng đến Nguyễn Hoàng; đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến QL1A)	623	18,0	11.214	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			24.711,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 06601/QĐ-UBND ngày 08/9/2021; QĐ 903/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	1
4	HTKT-04: Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	451	19,0	8.569	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			55.083,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 2029/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	1
5	HTKT-05: Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Đình Tiên Hoàng đến Nguyễn Hoàng; đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ và đoạn nói Khu công nghiệp Bàu Xéo)	1.240	19,0	23.560	Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh và huyện			200.245,7	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện	QĐ 2888/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	1
6	HTKT-06: Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	883	20,5	18.101,5	Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh và huyện			68.022,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Đơn giá (Triệu đồng/m ²)			Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật	Cộng					
7	HTKT-07: Đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong)	602	17	10.234	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			24.300,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
8	HTKT-08: Nâng cấp đường Hà Huy Tập	288	17	4.896	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			4.500,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
9	HTKT-09: Đường Điện Biên Phủ	302	17	5.134	1,05	0,5	1,55	7.957,7	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
10	HTKT-10: Đường 3/2 (đoạn Lê Duẩn đến Nguyễn Văn Linh)	246	20,5	5.043	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			21.000,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 897/QĐ-UBND ngày 01/04/2016	1
11	HTKT-11: Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường Cao su và đoạn qua Trung tâm Khoa học sản xuất lâm nghiệp Đông Nam bộ)	430	19	8.170	Theo kế hoạch đầu tư công huyện và đơn giá xây dựng mới			56.238,2	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 1573/QĐ-UBND ngày 29/4/2020	2
12	HTKT-12: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thị trấn Trảng Bom)	1.793	30	53.790	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			81.743,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	NQ 114/NQ-HĐND ngày 12/11/2019	1
13	HTKT-13: Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nguyễn Văn Nghĩa)	342	20,5	7.011	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			19.000,0	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
14	HTKT-14: Đường khu vực K2-8 (từ Lê Duẩn đến Khu dân cư Bàu Xéo)	566	17	9.622	1,05	0,5	1,55	14.914,1	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
15	HTKT-15: Đường D1 (trục dọc Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo) đoạn thuộc thị trấn Trảng Bom	361	17	6.137	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			27.287,1	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	2

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Đơn giá (Triệu đồng/m ²)			Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật	Cộng					
16	HTKT-16: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên			Trạm xử lý nước thải công suất 2000 m ³ /ngày và hệ thống đường công thu gom	Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh			98.409,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	QĐ 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1
17	HTKT-17: Dự án hạ ngầm hạ tầng kỹ thuật trên 3 trục đường chính: Đường 30/4, đường Hùng Vương và đường 3/2			Hạ ngầm hệ thống cấp điện, thông tin trên 3 tuyến đường chính của thị trấn, tổng chiều dài 3 tuyến đường là 7 km	10 tỷ/km đường			70.000,0	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
18	HTKT-18: Dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61				Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh			88.920,0	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	QĐ 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1
	Tổng	9.461,0		203.800,5			1.007.194,4					

II. DỰ ÁN HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (09 dự án)

STT	Tên dự án hạ tầng xã hội khung	Diện tích (ha)	Quy mô	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
1	HTXH-01: Trung tâm hành chính mới	4,00	32.000 m ² sàn	10,50 tr/m ² sàn	336.000,0	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện (đầu tư sở hiện nay)		4
2	HTXH-02: Trụ sở UBND thị trấn Trang Bom	0,45		Theo kế hoạch đầu tư công huyện	21.000,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
3	HTXH-03: Công viên trung tâm thị trấn Trang Bom	2,80		Theo kế hoạch đầu tư công huyện	55.878,0	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 1387/QĐ-UBND ngày 05/5/2016	1
4	HTXH-04: Trung tâm văn hóa và tổ chức sự kiện huyện	3,27		Theo kế hoạch đầu tư công huyện	55.508,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	97/NQ-HĐND ngày 14/12/2018	(Đã cơ bản hoàn thành)
5	HTXH-05: Dự án nhà ở xã hội (khu đất trước kia là Trường Cao đẳng Nghề số 8)	9,00		8.450 (tr.đ/ha)	76.050,0	2021-2030	Xã hội hóa		2
6	HTXH-06: Xây mới trường trung học phổ thông và trường dạy nghề tại khu đất 7 ha thuộc dự án Trường Cao đẳng KTKT Đinh Tiên Hoàng cũ	7,06	1500 học viên	66,23 tr/học viên	99.345,0	2021-2025	Xã hội hóa		1
7	HTXH-07: Bệnh viện đa khoa (kêu gọi đầu tư xây dựng mới)	9,60	500 giường bệnh	1,309 tỷ đồng/giường	654.500,0	2021-2030	Xã hội hóa		1
8	HTXH-08: Dự án nhà ở xã hội (Thuộc dự án Khu dân cư thị trấn Trang Bom)	3,35		8.450 (tr.đ/ha)	28.307,5		Xã hội hóa		1
9	HTXH-09: Dự án nhà ở xã hội (Thuộc dự án Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo)	3,50		8.450 (tr.đ/ha)	29.575,0	2021-2025	Xã hội hóa		1
	Tổng	43,03			1.356.163,5				

III. CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (14 dự án)

STT	Tên khu vực phát triển đô thị, dự án phát triển đô thị	Chức năng	Diện tích (ha)	Đơn giá xây dựng	Thành tiền (triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức đầu tư/nguồn vốn	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
	Khu vực Thị trấn Trảng Bom		59,04		581.122,0				
1	Dự án PTĐT-DA01	Nhóm nhà ở	10,70	8.450 (tr.đ/ha)	90.415,0	2021-2025	Xã hội hóa		1
2	Dự án PTĐT-DA02	Nhóm nhà ở	1,50	8.450 (tr.đ/ha)	12.675,0		Xã hội hóa		1
3	Dự án PTĐT-DA03	Nhóm nhà ở	12,50	8.450 (tr.đ/ha)	105.625,0		Xã hội hóa		1
4	Dự án PTĐT-DA04	Nhóm nhà ở (bao gồm cả trường mầm non)	5,88	8.450 (tr.đ/ha)	49.686,0		Xã hội hóa		1
5	Dự án PTĐT-DA05	Nhóm nhà ở, công cộng khu ở	10,32	8.450 (tr.đ/ha)	87.204,0		Xã hội hóa		1
6	Dự án PTĐT-DA06	Nhóm nhà ở	7,02	8.450 (tr.đ/ha)	59.319,0		Xã hội hóa		1
7	Dự án PTĐT-DA07	Đất TMDV	2,20	8.450 (tr.đ/ha)	18.590,0		Xã hội hóa		1
8	Dự án PTĐT-DA08	Nhóm nhà ở	3,10	8.450 (tr.đ/ha)	26.195,0		Xã hội hóa		1
9	Dự án PTĐT-DA09	Nhóm nhà ở (dự án khu nhà ở công nhân)	1,20	8.450 (tr.đ/ha)	10.140,0		Xã hội hóa		1
10	Dự án PTĐT-DA10	Nhóm nhà ở	0,30	8.450 (tr.đ/ha)	2.535,0		Xã hội hóa		1
11	Dự án PTĐT-DA11	Thương mại dịch vụ (Khu đất UBND huyện hiện hữu)	3,50	8.450 (tr.đ/ha)	29.575,0	2026-2030	Xã hội hóa		4
12	Dự án PTĐT-DA12	Thương mại dịch vụ (dự án khách sạn 3 sao)	0,61	495 (tr.đ/giường)	74.250,0		Xã hội hóa		1
13	Dự án PTĐT-DA13 - Công viên cây xanh khu phố 2, thị trấn Trảng Bom	Công viên cây xanh	0,21	Theo kế hoạch đầu tư công huyện	14.913,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
	Khu vực Đồi 61		3,15		26.617,5				
14	Dự án PTĐT-DA14	Nhóm nhà ở	3,15	8.450 (tr.đ/ha)	26.617,5	2021-2025	Xã hội hóa		1
	Tổng cộng		62,19		607.739,5				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2696/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Khu vực phát triển đô thị
Khu vực II thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 142/TTr-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2022, Văn bản số 3930/SXD-QLHTĐT ngày 20 tháng 10 năm 2023, Văn bản số 4090/SXD-QLHTĐT ngày 27 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Khu vực phát triển đô thị với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên khu vực phát triển đô thị: Khu vực phát triển đô thị Khu vực II, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Cơ quan quản lý khu vực phát triển đô thị: Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị.

3. Địa điểm, ranh giới, quy mô và tính chất khu vực phát triển đô thị

a) Địa điểm, ranh giới

Khu vực lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Khu vực II bao gồm một phần của các Khu phố 1, 2, 3 thuộc thị trấn Trảng Bom và một phần của các xã Quảng Tiến, Đồi 61, Sông Trầu. Phạm vi ranh giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp Khu phố 3 của thị trấn Trảng Bom và xã Sông Trầu.

- Phía Nam : Giáp xã Quảng Tiến và xã Đồi 61.
- Phía Đông : Giáp Khu công nghiệp Bàu Xéo và xã Sông Trầu.
- Phía Tây : Giáp xã Bình Minh.

b) Quy mô: Khu vực phát triển đô thị Khu vực II thị trấn Trảng Bom có diện tích 466 ha.

c) Tính chất, các chức năng chính của khu vực

- Khu vực phát triển đô thị Khu vực II, thị trấn Trảng Bom thuộc khu vực phát triển đô thị mở rộng, được định hướng bổ trợ các chức năng cho khu vực trung tâm hiện hữu.

- Chức năng chính của dự án phát triển đô thị đề xuất:

+ Nhóm nhà ở xây dựng mới.

+ Các khu công trình công cộng (y tế, văn hóa, giáo dục...) phục vụ nhóm nhà ở và toàn đô thị.

+ Các khu hỗn hợp, thương mại dịch vụ.

+ Khu cây xanh công viên, thể dục thể thao cấp khu ở và đô thị.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và công trình đầu môi.

- Chức năng các dự án đầu tư thuộc khu vực phát triển đô thị được tổng hợp như sau:

STT	Tên khu vực phát triển đô thị, dự án phát triển đô thị	Diện tích (ha)	Chức năng
I	Dự án hạ tầng kỹ thuật khung (23 dự án)	62,89	- Đường giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đường
II	Dự án hạ tầng xã hội khung (05 dự án)	38,70	- Trung tâm công cộng đô thị - Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị - Công viên đô thị, trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị
III	Dự án phát triển đô thị (15 dự án)	110,17	
1	Khu vực phát triển đô thị thị trấn Trảng Bom (05 dự án)	39,07	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới - Giáo dục cấp khu ở - Trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp
2	Khu vực phát triển đô thị xã Sông Trầu (08 dự án)	59,83	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới - Đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ - Cây xanh thể dục thể thao khu ở
3	Khu vực phát triển đô thị xã Quảng Tiến (01 dự án)	10,10	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới - Trường mầm non, nhà văn hóa - Đường giao thông nội bộ
4	Khu vực phát triển đô thị xã Đồi 61 (01 dự án)	1,17	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới; - Cây xanh thể dục thể thao khu ở;
	Tổng cộng (43 dự án)	211,76	

d) Danh mục các dự án trong khu vực phát triển đô thị

- Dự án hạ tầng kỹ thuật khung: Phụ lục I.

- Dự án hạ tầng xã hội khung: Phụ lục II.

- Dự án phát triển đô thị: Phụ lục III.

4. Thời hạn thực hiện dự kiến

Thời hạn thực hiện dự kiến trong 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Đến năm 2025.

b) Giai đoạn 2: Từ năm 2026 đến năm 2030.

5. Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị

a) Sơ bộ khái toán

- Khái toán sơ bộ tổng vốn đầu tư khu vực phát triển đô thị Khu vực II theo giai đoạn của cả 3 nhóm dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội khung và dự án phát triển đô thị như sau:

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 1.259,9 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2 (2026 - 2030): 2.157,8 tỷ đồng.

- Phân chia nguồn vốn đầu tư: Các dự án được dự kiến phân nguồn vốn (ngân sách hoặc xã hội hóa) với tổng khái toán của cả 3 nhóm dự án như sau:

+ Ngân sách nhà nước: 2.251.255.200.000 đồng (ngân sách tỉnh khoảng 1.015,1 tỷ đồng, ngân sách huyện khoảng 1.236,2 tỷ đồng), bao gồm:

• Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 892.729.200.000 đồng.

• Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến năm 2030): 1.358.526.000.000 đồng.

+ Nguồn vốn kêu gọi đầu tư, xã hội hóa: 1.166.426.700.000 đồng, bao gồm:

• Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 367.137.200.000 đồng.

• Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến năm 2030): 799.289.500.000 đồng.

b) Dự kiến các nguồn lực đầu tư

Nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị đề xuất từ các nguồn sau:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước, xã hội hóa, trái phiếu.

- Nguồn vốn của các nhà đầu tư huy động đầu tư các dự án phát triển đô thị.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Bảng tổng hợp Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom và các đơn vị liên quan tổ chức công bố hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị và quản lý thực hiện Khu vực phát triển đô thị theo đúng quy định hiện hành.

b) Quản lý, giám sát, phối hợp trong việc triển khai kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị.

c) Định kỳ hằng năm rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai Quyết định này.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét chọn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ quản lý khu vực phát triển đô thị theo khoản 6 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch - Đầu tư

a) Cung cấp thông tin và hướng dẫn các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án phát triển đô thị.

b) Rà soát bố trí vốn cho các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh theo giai đoạn để tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ quản lý khu vực phát triển đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến khu vực phát triển đô thị trên địa bàn quản lý theo đúng quy định hiện hành.

c) Phối hợp Sở Xây dựng công khai, công bố khu vực phát triển đô thị được phê duyệt.

d) Hằng năm trước ngày 15 tháng 12 rà soát, tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng tình hình, kết quả triển khai thực hiện các dự án trong khu vực phát triển đô thị và định hướng kế hoạch cho năm tiếp theo.

đ) Định kỳ hằng năm thực hiện rà soát các dự án trong khu vực phát triển đô thị để đề xuất điều chỉnh, bổ sung vào danh mục các dự án.

4. Các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Kho bạc Nhà nước Đồng Nai; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom phối hợp với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị trong việc triển khai thực hiện khu vực phát triển đô thị liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đồng Nai; đơn vị sự nghiệp

công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị; Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

Phụ lục I
DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 2696/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Giai đoạn thực hiện
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	
	Tuyến đối ngoại kết nối toàn đô thị				
1	HTKT-01: ĐT.772 Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	1.152	45	51.840	2021-2030
2a	HTKT-02a: Đường Trảng Bom - Thanh Bình	420	32	13.440	
2b	HTKT-02b: Cải tạo nâng cấp đường Trảng Bom - Cây Gáo	3.173	17-32	90.421	
	Khu vực thị trấn Trảng Bom				
3	HTKT-03: Đường D6 (đoạn từ QL1A đến đường Hùng Vương)	583	27,0	15.741	2021-2030
4	HTKT-04: Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Ngô Quyền đến QL1A)	715	18,0	12.870	
5	HTKT-05: Bến xe huyện			20.000	2026-2030
	Khu vực Sông Trầu				
6	HTKT-06: Đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ An Dương Vương đến đường Trảng Bom - Xuân Lộc)	895	20,5	18.347,5	2021-2030
7	HTKT-07: Đường Hai Bà Trưng nối dài (đường Liên khu K1, K3)	1.890	22	41.580	
8	HTKT-08: Đường Liên khu K3-1, K3-2 (xã Sông Trầu)	1.497	22	32.934	2026-2030
9	HTKT-09: Đường Liên khu K3, K5 (xã Sông Trầu)	2.027	20,5	41.553,5	
10	HTKT-10: Đường Liên khu K5-1, K5-3, K5-7 (xã Sông Trầu)	1.209	27	32.643	2021-2030
11	HTKT-11: Đường Liên khu K5-1, K5-2 (xã Sông Trầu)	1.557	20,5	31.918,5	
12	HTKT-12: Đường Liên khu K5-2, K5-3, K5-5 (xã Sông Trầu)	1.890	20,5	38.745	2026-2030
13	HTKT-13: Đường Liên khu K5-1, K5-6 (xã Sông Trầu)	949	20,5	19.454,5	
14	HTKT-14: Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ Hùng Vương đến đường Liên khu K1, K3 - xã Sông Trầu)	390	19	7.410	2021-2030
	Khu vực Quảng Tiến				
15	HTKT-15: Đường gom 2 bên QL1 (xã Quảng Tiến)	2.360	19	44.840	2026-2030
16	HTKT-16: Đường Hùng Vương nối dài (xã Quảng Tiến)	820	22	18.040	
17	HTKT-17: Đường khu vực K4-3 (xã Quảng Tiến)	640	18	11.520	2021-2030
18	HTKT-18: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (xã Quảng Tiến)	849	30	25.470	2026-2030
19	HTKT-19: Đường Liên khu K4-4, K4-5 (xã Quảng Tiến)	325	20,5	6.662,5	2021-2025

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Giai đoạn thực hiện
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	
	Khu vực Đồi 61				
20	HTKT-20: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (xã Đồi 61)	1.007	30	30.210	2026-2030
21	HTKT-21: Đường D1 (Trục dọc Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Bà Xéo) đoạn thuộc xã Đồi 61	308	17	5.236	2021-2030
22	HTKT-22: Đường Vườn Ngô xã Đồi 61	1.063	17	18.071	
	Tổng cộng	25.719		628.947,50	

Phụ lục II
DỰ ÁN HẠ TẦNG XÃ HỘI KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 2696/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án hạ tầng xã hội khung	Diện tích (ha)	Giai đoạn thực hiện
1	HTXH-01: Trung tâm công cộng đô thị	4,90	2026-2030
2	HTXH-02: Trung tâm thể dục thể thao đô thị	5,65	2021-2025
3	HTXH-03: Trường Trung học phổ thông (xây mới tại xã Sông Trầu)	3,00	2026-2030
4	HTXH-04: Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Sông Trầu	1,15	2026-2030
5	HTXH-05: Công viên cây xanh, thể dục thể thao cấp đô thị (khu vực Sông Trầu)	24,0	2021-2030
	Tổng cộng	38,70	

Phụ lục III
CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 2696/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên khu vực phát triển đô thị, dự án phát triển đô thị	Chức năng	Diện tích (ha)	Giai đoạn thực hiện
	<i>Thị trấn Trảng Bom</i>		39,07	
1	Dự án PTĐT-DA01	Nhóm nhà ở và đường giao thông	8,00	2021-2030
2	Dự án PTĐT-DA02	Giáo dục cấp khu ở (trường tiểu học hoặc THCS)	1,08	2021-2025
3	Dự án PTĐT-DA03	Nhóm nhà ở	25,15	2026-2030
4	Dự án PTĐT-DA04	Trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp	1,10	2021-2025
5	Dự án PTĐT-DA05	Nhóm nhà ở	3,74	
	<i>Khu vực Sông Trầu</i>		59,83	
6	Dự án PTĐT-DA06	Đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ	2,35	2021-2025
7	Dự án PTĐT-DA07	Đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ	6,07	
8	Dự án PTĐT-DA08	Nhóm nhà ở	22,31	2026-2030
9	Dự án PTĐT-DA09	Đất thương mại dịch vụ	3,00	
10	Dự án PTĐT-DA10	Nhóm nhà ở	10,59	
11	Dự án PTĐT-DA11	Nhóm nhà ở	4,09	2021-2025
12	Dự án PTĐT-DA12	Nhóm nhà ở, đường khu vực	10,26	2026-2030
13	Dự án PTĐT-DA13	Công viên cây xanh, thể dục thể thao	1,16	2021-2025
	<i>Khu vực Quảng Tiến</i>		10,10	
14	Dự án PTĐT-DA14	Nhóm nhà ở, nhà văn hóa, trường mầm non, giao thông nội bộ	10,10	2026-2030
	<i>Khu vực Đồi 61</i>		1,17	
15	Dự án PTĐT-DA15	Nhóm nhà ở, cây xanh thể dục thể thao	1,17	2021-2025
	Tổng		110,17	

BẢNG: SƠ BỘ KHAI TOÁN, DỰ KIẾN CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. DỰ ÁN HỆ THỐNG HTKT KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (23 dự án)

Số TT	Tên dự án Hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Đơn giá (Triệu đồng/m ²)		Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Cơ sở thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật					
	Tuyến đối ngoại kết nối toàn đô thị										
1	HTKT-01: ĐT.772 đường Trảng Bom - Xuân Lộc	1.152	45	51.840	Theo Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND (toàn tuyến 58,2km)		48.280,3	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND; QĐ 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1
2a	HTKT-02a: Đường Trảng Bom - Thanh Bình	420	32	13.440	Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh (toàn tuyến 16km)		654.490,0		Nguồn vốn ngân sách tỉnh	QĐ 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1
2b	HTKT-02b: Cải tạo nâng cấp đường Trảng Bom - Cây Gáo	3.173	17-32	90.421	Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh		160.090,0		Nguồn vốn ngân sách tỉnh	QĐ 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1
	Khu vực thị trấn Trảng Bom										
3	HTKT-03: Đường D6 (đoạn từ QL1A đến đường Hùng Vương)	583	27,0	15.741	Theo kế hoạch đầu tư công huyện		82.215,4	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
4	HTKT-04: Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Ngõ Quyền đến QL1A)	715	18,0	12.870	Theo kế hoạch đầu tư công huyện		42.409,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 893/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	2
5	HTKT-05: Bến xe huyện			20.000	40.000		80.000,0	2026-2030	Xã hội hóa		2
	Khu vực Sông Trầu										
6	HTKT-06: Đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ An Dương Vương đến đường Trảng Bom - Xuân Lộc)	895	20,5	18.347,5	Theo kế hoạch đầu tư công huyện		30.000,0	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	2

Số TT	Tên dự án Hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Đơn giá (Triệu đồng/m ²)			Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Cơ sở thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật	Cộng					
7	HTKT-07: Đường Hai Bà Trưng nối dài (đường Liên khu K1, K3)	1.890	22	41.580	1,05	0,5	1,55	64.449,0		Nguồn vốn ngân sách huyện		2
8	HTKT-08: Đường Liên khu K3-1, K3-2 (xã Sông Trầu)	1.497	22	32.934	1,05	0,5	1,55	51.047,7	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
9	HTKT-09: Đường Liên khu K3, K5 (xã Sông Trầu)	2.027	20,5	41.553,5	1,05	0,5	1,55	64.407,9		Nguồn vốn ngân sách huyện		2
10	HTKT-10: Đường Liên khu K5-1, K5-3, K5-7 (xã Sông Trầu)	1.209	27	32.643	1,05	0,5	1,55	50.596,7	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
11	HTKT-11: Đường Liên khu K5-1, K5-2 (xã Sông Trầu)	1.557	20,5	31.918,5	1,05	0,5	1,55	49.473,7	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
12	HTKT-12: Đường Liên khu K5-2, K5-3, K5-5 (xã Sông Trầu)	1.890	20,5	38745	1,05	0,5	1,55	60.054,8	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
13	HTKT-13: Đường Liên khu K5-1, K5-6 (xã Sông Trầu)	949	20,5	19.454,5	1,05	0,5	1,55	30.154,5		Nguồn vốn ngân sách huyện		3
14	HTKT-14: Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ Hùng Vương đến đường Liên khu K1, K3 - xã Sông Trầu)	390	19	7.410	1,05	0,5	1,55	11.485,5	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
	Khu vực Quảng Tiến											
15	HTKT-15: Đường gom 2 bên QL1 (xã Quảng Tiến)	2.360	19	44.840	1,05	0,5	1,55	304.406,2	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện		2

Số TT	Tên dự án Hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng				Đơn giá (Triệu đồng/m ²)			Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Cơ sở thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật	Cộng						
16	HTKT-16: Đường Hùng Vương nói dài (xã Quảng Tiến)	820	22	18.040	1,05	0,5	1,55	27.962,0		Nguồn vốn ngân sách huyện		2	
17	HTKT-17: Đường khu vực K4-3 (xã Quảng Tiến)	640	18	11.520	1,05	0,5	1,55	17.856,0	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2	
18	HTKT-18: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (xã Quảng Tiến)	849	30	25.470	1,05	0,5	1,55	39.478,5	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2	
19	HTKT-19: Đường liên khu K4-4, K4-5 (xã Quảng Tiến)	325	20,5	6.662,5	1,05	0,5	1,55	10.326,9	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện		2	
	Khu vực Đồi 61												
20	HTKT-20: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (xã Đồi 61)	1.007	30	30.210	1,05	0,5	1,55	50.924,5	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	NQ 114/NQ-HĐND ngày 12/11/2019	1	
21	HTKT-21: Đường D1 (Trục dọc Trung tâm DV KCN Bàu Xéo) đoạn thuộc xã Đồi 61	308	17	5.236	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			23.280,9	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	2	
22	HTKT-22: Đường Vườn Ngó xã Đồi 61	1.063	17	18.071	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			39.346,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	2	
	Tổng	25.719,00		628.947,50				1.992.735,4					

II. DỰ ÁN HỆ THỐNG HTXH KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (05 dự án)

STT	Tên dự án Hạ tầng xã hội khung	Diện tích (ha)	Quy mô	Đơn giá	Thành tiền (tr.đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
1	HTXH-01: Trung tâm công cộng đô thị	4,90	21.800 m ² sàn	8,10 tr/m ² sàn	176.580,0	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	4
2	HTXH-02: Trung tâm TĐTT đô thị	5,65		9,4 tỷ đồng/ha	53.110,0	2021-2025	Xã hội hóa	2
3	HTXH-03: Trường THPT (xây mới tại xã Sông Trầu)	3,00	1620 học sinh	35,66 tr/học sinh	57.769,2	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	3
4	HTXH-04: Trung tâm văn hóa TĐTT xã Sông Trầu	1,15		9,4 tỷ đồng/ha	10.810,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	3
5	HTXH-05: Công viên cây xanh, TĐTT cấp đô thị (khu vực Sông Trầu)	24,0		6,91 tỷ đồng/ha	165.840,0	2021-2030	Xã hội hóa	3
	Tổng	38,70			464.109,2			

III. CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (15 dự án)

Số TT	Tên khu vực phát triển đô thị, Dự án phát triển đô thị	Chức năng	Diện tích (ha)	Đơn giá xây dựng	Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức đầu tư/Nguồn vốn	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
	Thị trấn Trảng Bom		39,07		361.828,7			
1	Dự án PTĐT-DA01	Nhóm nhà ở và đường giao thông	8,00	8.450 (tr.đ/ha)	67.600,0	2021-2030	Xã hội hóa	2
2	Dự án PTĐT-DA02	Giáo dục cấp khu ở (trường tiểu học hoặc Trung học cơ sở)	1,08	37,79 (tr.đ/học sinh)	40.813,2	2021-2025	Xã hội hóa	1
3	Dự án PTĐT-DA03	Nhóm nhà ở	25,15	8.450 (tr.đ/ha)	212.517,5	2026-2030	Xã hội hóa	3
4	Dự án PTĐT-DA04	Trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp	1,10	8.450 (tr.đ/ha)	9.295,0	2021-2025	Xã hội hóa	1
5	Dự án PTĐT-DA05	Nhóm nhà ở	3,74	8.450 (tr.đ/ha)	31.603,0	2021-2025	Xã hội hóa	1
	Khu vực Sông Trầu		59,83		503.777,1			
6	Dự án PTĐT-DA06	Đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ	2,35	8.450 (tr.đ/ha)	19.857,5	2021-2025	Xã hội hóa	1
7	Dự án PTĐT-DA07	Đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ	6,07	8.450 (tr.đ/ha)	51.291,5	2021-2025	Xã hội hóa	1
8	Dự án PTĐT-DA08	Nhóm nhà ở	22,31	8.450 (tr.đ/ha)	188.519,5	2026-2030	Xã hội hóa	4
9	Dự án PTĐT-DA09	Đất thương mại dịch vụ	3,00	8.450 (tr.đ/ha)	25.350,0	2026-2030	Xã hội hóa	3
10	Dự án PTĐT-DA10	Nhóm nhà ở	10,59	8.450 (tr.đ/ha)	89.485,5	2026-2030	Xã hội hóa	4
11	Dự án PTĐT-DA11	Nhóm nhà ở	4,09	8.450 (tr.đ/ha)	34.560,5	2021-2025	Xã hội hóa	2
12	Dự án PTĐT-DA12	Nhóm nhà ở, đường khu vực	10,26	8.450 (tr.đ/ha)	86.697,0	2026-2030	Xã hội hóa	4
13	Dự án PTĐT-DA13	Công viên cây xanh, thể dục thể thao	1,16	6.910 (tr.đ/ha)	8.015,6	2021-2025	Ngân sách huyện	1
	Khu vực Quăng Tiên		10,10		85.345,0			
14	Dự án PTĐT-DA14	Nhóm nhà ở, nhà văn hóa, trường mầm non, giao thông nội bộ	10,10	8.450 (tr.đ/ha)	85.345,0	2026-2030	Xã hội hóa	3
	Khu vực Đồi 61		1,17		9.886,5			
15	Dự án PTĐT-DA15	Nhóm nhà ở, cây xanh thể dục thể thao	1,17	8.450 (tr.đ/ha)	9.886,5	2021-2025	Xã hội hóa	1
	Tổng		110,17		960.837,3			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2711/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND
ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
quy định nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ thực hiện phát triển
thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử;

Căn cứ Quyết định số 07/2015/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và thực hiện chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ thực hiện phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 6584/TTr-SCT ngày 01 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ thực hiện phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời gian áp dụng nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thực hiện theo Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức

** Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh đã đăng Công báo số 42 ngày 27/10/2023 tại trang 3*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CT-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2023

CHỈ THỊ

Về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp

Thời gian qua, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả, chất lượng hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng nền hành chính kỷ cương, hiện đại, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phấn đấu, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị, địa phương chưa thường xuyên quan tâm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra giám sát thực hiện để xảy ra tình trạng phản ánh, vi phạm; tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, sợ sai khi xử lý công việc của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong một số cơ quan hành chính nhà nước các cấp vẫn chưa được khắc phục hiệu quả; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong xử lý công việc chưa chặt chẽ, kịp thời, còn trường hợp chậm tham gia ý kiến hoặc tham gia ý kiến nhưng không có chính kiến, quan điểm rõ ràng, kéo dài thời gian xử lý, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả công việc.

Thực hiện Công điện số 968/CĐ-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; nhằm kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp, đóng góp thiết thực và nỗ lực phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra của năm 2023 và các năm tiếp theo; Chủ tịch UBND tỉnh chỉ thị, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

1. Tiếp tục tăng cường phổ biến, quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý. Triển khai thực hiện, quán triệt Công điện số 968/CĐ-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 28/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ

tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 02/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính và trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong xử lý công việc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện tốt hơn nữa nội quy, quy chế làm việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế làm việc và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công việc tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền theo sát tình hình thực tế; cụ thể hóa trách nhiệm cá nhân trong từng khâu của quy trình xử lý công việc, bảo đảm các công việc thuộc thẩm quyền phải được xử lý nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả. Tổ chức thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị các cấp.

3. Trong công tác phối hợp để giải quyết công việc thuộc thẩm quyền, chỉ lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan trực tiếp đến đề án, dự án..., không lấy ý kiến phối hợp của cơ quan không liên quan hoặc không cần thiết. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời đúng hạn, đúng chức năng, nhiệm vụ, có quan điểm, trách nhiệm rõ ràng, không trả lời chung chung, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm làm ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chấp hành nghiêm, chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc khi được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền, phân công, giao nhiệm vụ; không được né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Trực tiếp, chủ động, tích cực tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả những nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan cấp trên giao; rà soát, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng. Thực hiện nghiêm quy định về thời hạn xử lý công việc theo quy định pháp luật; phải làm hết trách nhiệm, nêu rõ quan điểm, phương án xử lý, báo cáo kịp thời, trung thực, đầy đủ khó khăn, vướng mắc (nếu có).

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thanh tra, kiểm tra nội bộ để kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân làm chưa tốt. Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, để trì trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Trường hợp đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm để xảy ra chậm trễ hoặc không quyết định những vấn đề, công việc thuộc thẩm quyền gây hậu quả thì phải kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

6. Tổ chức quán triệt sâu rộng, kịp thời và thực hiện có hiệu quả Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ

cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, xây dựng môi trường thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm trong thực hiện trách nhiệm công vụ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc.

7. Đẩy mạnh, thực hiện hiệu quả Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; đề xuất cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý và tạo sự thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp; tập trung cải cách quy trình, thủ tục hành chính nội bộ để khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính, tránh phát sinh thủ tục gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

8. Quyết tâm, quyết liệt giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp kịp thời, hiệu quả, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, thuận tiện; chỉ đạo cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, kiểm tra các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang thực hiện. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng chậm trễ, những nhiễu, tiêu cực, lãng phí nguồn lực, cơ hội của Nhà nước, xã hội, người dân, doanh nghiệp; không để đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính để phát hiện, xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức không chịu xử lý, vi phạm.

9. Phát huy hiệu quả các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn), Tổng đài Dịch vụ công tỉnh Đồng Nai - 0251.1022, Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh (thamvanquydingkinhdoanh.gov.vn), trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ở các cơ quan, đơn vị, địa phương và đường dây nóng được công khai, nhất là cấp cơ sở; chủ động, tích cực tổ chức đối thoại với người dân, doanh nghiệp để kịp thời giải quyết triệt để, dứt điểm các phản ánh, kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng, hiến kế của người dân, doanh nghiệp; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, tuyệt đối không được đùn đẩy, lòng vòng, né tránh.

10. Giao Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao chất lượng công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; gắn đánh giá cá nhân với trách nhiệm tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá làm căn cứ trong bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải cách thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời báo cáo, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chấn chỉnh, kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm các trường hợp vi phạm đối với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và tập thể, cá nhân chậm tham mưu thực hiện nhiệm vụ được giao, là căn cứ để đánh giá, nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công tác thi đua khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm theo quy định.

b) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo định kỳ, thường xuyên kết quả thực hiện Chỉ thị này của các cơ quan, đơn vị, địa phương và định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

11. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương; phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thanh tra, kiểm tra công vụ, xem xét, xử lý trách nhiệm đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chậm tham mưu thực hiện nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ thuộc phạm vi, ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm Chỉ thị này; định kỳ **trước ngày 01/12** hàng năm báo cáo kết quả về Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo xử lý./.

Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/CT-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 11 năm 2023

CHỈ THỊ

Về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp

Thời gian qua, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, cải cách hành chính góp phần chấn chỉnh trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan nhà nước; tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị, địa phương còn buông lỏng lãnh đạo, chưa chú trọng quán triệt, triển khai công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, cải cách hành chính nhất là thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh việc thực hiện trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tình trạng một số cán bộ, công chức, viên chức né tránh, đùn đẩy công việc, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, đề xuất xử lý công việc, không quyết định xử lý các công việc thuộc thẩm quyền dẫn đến quá trình xử lý công việc bị kéo dài, gây lãng phí thời gian, nguồn lực, cơ hội phát triển, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gây cản trở công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; nhằm kịp thời khắc phục tình trạng nêu trên, nâng cao trách nhiệm khi thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; cần thiết phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 4543/SNV-TT ngày 31/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; Công điện số 280/CD-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các bộ, ngành, địa phương; Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý, nhất là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến giải quyết công việc, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và việc thực hiện chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện vi phạm thì áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật để ngăn chặn, chấn chỉnh, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ; trường hợp cần thiết thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra; nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền làm rõ, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

2. Chánh Thanh tra tỉnh

a) Quán triệt và chỉ đạo chặt chẽ công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao theo đúng quy định của Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra. Hàng năm, khi xây dựng kế hoạch thanh tra phải có nội dung thanh tra hoạt động công vụ.

b) Chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan thanh tra tăng cường quản lý, chỉ đạo triển khai các cuộc thanh tra hoạt động công vụ theo đúng quy định pháp luật về thanh tra. Đồng thời, tăng cường công tác xử lý sau thanh tra, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định;

3. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; rà soát, tham mưu triển khai các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động công vụ, nhất là đánh giá, nhận xét việc hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, tăng cường triển khai công tác thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức có vi phạm trong thi hành công vụ và việc chấp hành các văn bản, ý kiến chỉ đạo, điều hành của cấp trên; kịp thời kiến nghị xử lý trách nhiệm theo thẩm quyền quy định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức có vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ.

b) Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra, chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công vụ hàng năm đối với tập thể, cá nhân.

4. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, đề nghị các cơ quan báo chí, phương tiện thông tin đại chúng tăng cường thông tin, tuyên truyền về hoạt động công vụ và kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; trong đó, quan tâm tuyên truyền biểu dương các điển hình tiên tiến có thành tích trong hoạt động công vụ, những cá nhân dám nghĩ, dám làm, có tính đột phá, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời, phát hiện, góp ý, phê bình các cá nhân thiếu trách nhiệm, gây cản trở, khó khăn, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực.

5. Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường đưa tin, bài phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung, quy định liên quan chấn chỉnh, tăng cường công

tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo tinh thần Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị này, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả về Chủ tịch UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo.

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Thanh tra tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này và tổng hợp, báo cáo Thanh tra Chính phủ định kỳ hàng năm theo quy định./.

Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 248/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” năm 2023 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Văn bản số 4076/LĐTBXH-BĐG ngày 27/9/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” năm 2023 trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Tháng hành động), với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tháng hành động là điểm nhấn, tạo nên một chiến dịch truyền thông vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn tỉnh. Thu hút sự quan tâm, đề cao vai trò, trách nhiệm và tính chủ động tham gia hành động của các cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong việc đảm bảo an sinh xã hội, tăng cường quyền năng cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về các chính sách an sinh xã hội, bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ, tự phòng ngừa bạo lực, xâm hại cho phụ nữ và trẻ em, các thành viên gia đình, người làm công tác bình đẳng giới và trẻ em.

c) Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt tình trạng bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn, xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách và triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động của Tháng hành động cần được tổ chức thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, hình thức phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng, lứa tuổi và địa bàn dân cư để tạo hiệu ứng truyền thông.

II. THỜI GIAN, CHỦ ĐỀ VÀ KHẨU HIỆU, THÔNG điệp TRUYỀN THÔNG

1. Thời gian: Từ ngày 15/11/2023 đến ngày 15/12/2023.

2. Chủ đề: “Đảm bảo an sinh xã hội, tăng quyền năng và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm thực hiện bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới”.

3. Bộ nhận diện và các thông điệp truyền thông (đính kèm Phụ lục I và II).

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Công tác truyền thông, nâng cao năng lực về thực hiện công tác bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

a) Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động với hình thức phù hợp; tăng cường tuyên truyền về chủ đề, thông điệp và các hoạt động của Tháng hành động trên các phương tiện thông tin đại chúng tại tỉnh và địa phương bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng và tình hình thực tế như: Truyền thông trực tiếp; tuyên truyền trên hệ thống đài phát thanh, truyền hình; hệ thống thông tin cơ sở ở các xã, phường, thị trấn; các trang thông tin điện tử, báo điện tử, các mạng xã hội; băng rôn, pa nô, áp phích... phù hợp với chủ đề, khẩu hiệu và thông điệp của Tháng hành động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn.

b) Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, hội thi, tập huấn về các nội dung liên quan đến chủ đề của Tháng hành động; tuyên truyền về các chính sách đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nói chung và phụ nữ, trẻ em nói riêng, vai trò của việc tăng cường quyền năng cho phụ nữ và trẻ em gái trong việc thúc đẩy bình đẳng giới; tổ chức hoạt động hỗ trợ các nạn nhân, phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn...

c) Viết tin, bài, xây dựng chương trình truyền thông, tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các chính sách an sinh xã hội, vai trò của phụ nữ, bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trên Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai, các trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương...

d) Tăng cường thực hiện số hóa trong truyền thông thông qua mạng xã hội (zalo, facebook, fanpage...) nhằm tiếp cận tới nhiều người dân hơn, đặc biệt là thanh niên, học sinh, sinh viên... để lan tỏa mạnh mẽ hơn nữa bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, tăng quyền năng cho phụ nữ và trẻ em gái.

đ) Tăng cường công tác tuyên truyền các hoạt động thực hiện kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe sinh sản; triển khai thực hiện các hoạt động nhân “Ngày thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em” (ngày 25/11); xây dựng hương ước và quy ước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới.

2. Công tác triển khai các hoạt động phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

a) Tiếp tục xây dựng hiệu quả mô hình “Địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh” tại cộng đồng gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Công tác lồng ghép giới vào các hoạt động của đơn vị, địa phương

- Tổ chức các hoạt động nhằm giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm, đào tạo nghề, chương trình giảm nghèo; hướng dẫn lồng ghép giới trong các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đảm bảo sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm giảm tỷ lệ tử vong của bà mẹ liên quan đến thai sản và giảm tỷ lệ phá thai.

- Đảm bảo các sản phẩm truyền thông được xuất bản, phát hành trên địa bàn tỉnh được kiểm soát chặt chẽ nhằm loại trừ nội dung định kiến giới.

- Đảm bảo các nạn nhân bạo lực gia đình, người gây bạo lực gia đình được phát hiện, tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội, địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm buôn bán người, xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ em.

- Thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch Tháng hành động được chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2023 (đã giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) và nguồn ngân sách của các sở, ngành, địa phương dành cho sự nghiệp bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2023.

V. CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO

1. Chế độ kiểm tra, giám sát

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thông tin, báo chí, các ấn phẩm liên quan đến giới và bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh.

b) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tại cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời gian diễn ra Tháng hành động. Xử lý nghiêm các vụ vi phạm về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới và trong thực hiện các chính sách hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội.

2. Chế độ báo cáo

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Tháng hành động của cơ quan, đơn vị, địa phương (đính kèm Phụ lục III) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 22/12/2023 để tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức Lễ phát động “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” năm 2023 với chủ đề “Đảm bảo an sinh xã hội, tăng quyền năng và tạo cơ hội

cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm thực hiện bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới”.

b) Hướng dẫn triển khai kế hoạch, thực hiện truyền thông lưu động và treo băng rôn tuyên truyền trong Tháng hành động.

c) Viết tin, bài truyền thông, tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các chính sách an sinh xã hội, vai trò của phụ nữ, bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em để đăng tải trên trang các thông tin điện tử của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và trang thông tin điện tử của Sở.

d) Tổ chức hội thảo, tập huấn truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

đ) Theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức Tháng hành động về UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn triển khai thực hiện các hoạt động nhân “Ngày thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em” (ngày 25/11).

b) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Lễ phát động thực hiện “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” năm 2023.

3. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các hoạt động thực hiện Đề án “Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2017 - 2025” trên địa bàn tỉnh; tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm giảm tỷ lệ tử vong của bà mẹ liên quan đến thai sản và tỷ lệ phá thai trong Tháng hành động; tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng các cơ quan báo chí đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, tuyên truyền giáo dục, thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, ngừng cấp phép xuất bản và kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc gỡ bỏ các thông tin, hình ảnh mang định kiến giới; xử lý nghiêm các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản có nội dung định kiến giới, phân biệt đối xử giới trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí để triển khai Kế hoạch theo quy định.

6. Công an tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng công an các cấp triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm buôn bán người, xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ

em; kiểm tra và xử lý nghiêm các vụ việc liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới từ cơ sở. Bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ trong thời gian diễn ra Tháng hành động (từ ngày 15/11/2023 đến ngày 15/12/2023).

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp các đơn vị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giới và bình đẳng giới cho Ban Giám hiệu và Ban Chấp hành công đoàn các trường học từ mầm non đến trung học phổ thông; tiếp tục triển khai các hoạt động nhằm đảm bảo tỷ lệ biết chữ của nam và nữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

8. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới trong Tháng hành động.

9. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho đồng bào dân tộc thiểu số.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức lồng ghép các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới cho các hội viên, đoàn viên, người lao động trong phạm vi mình quản lý.

11. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Phối hợp các đơn vị liên quan triển khai Tháng hành động; tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức truyền thông, diễn đàn, nói chuyện chuyên đề về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới cho hội viên, thành viên câu lạc bộ, các địa chỉ tin cậy tại cộng đồng.

12. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết, chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về công tác bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới và chủ đề, thông điệp của Tháng hành động năm 2023.

13. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tuyên truyền, tổ chức lồng ghép các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động cho cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi quản lý của đơn vị.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

a) Chỉ đạo các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí, huy động nguồn lực để tổ chức hiệu quả các

hoạt động trong Tháng hành động phù hợp với điều kiện của địa phương; tiến hành tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, hội thi... về thực hiện chính sách an sinh xã hội, vai trò của phụ nữ, bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tổ chức các hoạt động truyền thông tại vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và các khu, cụm công nghiệp có nhiều lao động nữ.

b) Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới; kịp thời can thiệp, xử lý các vụ việc bạo lực trên cơ sở giới tại địa phương.

c) Tuyên truyền về chủ đề, thông điệp, các hoạt động của Tháng hành động và các văn bản pháp luật liên quan đến an sinh xã hội, công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Phối hợp các sở, ngành tổ chức Lễ phát động Tháng hành động; thực hiện truyền thông lưu động và treo băng rôn tuyên truyền trong Tháng hành động.

Trên đây là Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng

Phụ lục I
BỘ NHẬN DIỆN TRUYỀN THÔNG CỦA THÁNG HÀNH ĐỘNG
VÌ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG NGỪA, ỦNG PHÓ BẠO LỰC
TRÊN CƠ SỞ GIỚI

(Kèm theo Kế hoạch số 248/KH-UBND
 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. HÌNH ẢNH:



● C0 M70 Y100 K0
 ● R243 G112 B33

- Nhìn thoáng là 1 trái tim.
- Ngắm kỹ là một con người được ghép từ 2 hình người đang ôm nhau, hòa nhập thành một.
- Hình ảnh biểu đạt cảm xúc yêu thương, gắn kết khăng khít, gần gũi.
- Hai cánh tay ôm nhau kết thành hình ảnh chiếc ruy băng trắng - là biểu tượng của chiến dịch toàn cầu lớn nhất của nam giới, bắt đầu từ năm 1991, nhằm chống lại bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, thúc đẩy bình đẳng giới. Hiện nay, chiến dịch đã được thực hiện tại hơn 57 quốc gia trên thế giới.

2. MÀU SẮC:

- Màu cam đã được Liên hiệp quốc lựa chọn là màu biểu tượng cho chiến dịch toàn cầu về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.
- Ruy băng màu trắng là biểu tượng của chiến dịch truyền thông của nam giới nhằm kêu gọi xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới.

Phụ lục II
THÔNGIỆP TUYÊN TRUYỀN HƯỞNG ỨNG THÁNG HÀNH ĐỘNG
VÌ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VỚI BẠO LỰC
TRÊN CƠ SỞ GIỚI NĂM 2023

*(Kèm theo Kế hoạch số 248/KH-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. CHỦ ĐỀ THÁNG HÀNH ĐỘNG

Đảm bảo an sinh xã hội, tăng quyền năng và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm thực hiện bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.

II. CÁC KHẨU HIỆU, THÔNGIỆP TRUYỀN THÔNG

1. Hưởng ứng Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2023.
2. Đầu tư cho bình đẳng giới là đầu tư cho tương lai.
3. Bình đẳng giới là thước đo của sự văn minh, tiên bộ và công bằng xã hội.
4. Tăng quyền năng cho phụ nữ là tăng vị thế của quốc gia.
5. Giới tính không quyết định năng lực và trình độ.
6. Nam, nữ bình đẳng, xã hội văn minh, gia đình hạnh phúc.
7. Chia sẻ việc nhà, gia đình hạnh phúc.
8. Mọi hành vi bạo lực, xâm hại, quấy rối tình dục đối với phụ nữ và trẻ em là vi phạm pháp luật.
9. Mọi hình thức bạo lực đều vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh.
10. Bình đẳng giới là chìa khóa để xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.
11. Chấm dứt bạo lực, vun đắp yêu thương.
12. Hãy chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.
13. Hãy tố cáo hành vi bạo lực, xâm hại, quấy rối tình dục phụ nữ và trẻ em.
14. Hãy lên tiếng khi bị bạo lực.
15. Hãy hành động vì cộng đồng bình đẳng, văn minh, an toàn và không bạo lực.
16. Im lặng không phải là cách để bảo vệ bản thân và người bị xâm hại.
17. Đồng tình với bạo lực là bạn đang cổ xúy cho hành vi sai trái.
18. Không đổ lỗi cho người bị bạo lực.
19. Hành động ngay hôm nay, bình đẳng giới trong tầm tay.

Phụ lục III
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN THÁNG HÀNH ĐỘNG
VÌ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG NGỪA, ỦNG PHÓ BẠO LỰC
TRÊN CƠ SỞ GIỚI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 248/KH-UBND
 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, ban hành kế hoạch triển khai
2. Phát động Tháng hành động
3. Nội dung hoạt động đã triển khai
4. Kinh phí tổ chức
 - a) Ngân sách nhà nước
 - b) Ngân sách vận động

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đã đạt được, bài học kinh nghiệm
2. Những khó khăn, tồn tại
3. Kiến nghị, đề xuất

III. TỔNG HỢP SỐ LIỆU

Kết quả thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ủng hộ bạo lực trên cơ sở giới năm 2023

1. Tổ chức phát động và các hoạt động hưởng ứng, kiểm tra, giám sát

STT	Hoạt động	Số cuộc/ đoàn	Số người tham gia		Cấp triển khai
			Nam	Nữ	

2. Kết quả truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin cơ sở

STT	Nội dung	Số lượng	Số người tiếp cận		Cấp triển khai
			Nam	Nữ	

3. Sản xuất, phát hành các sản phẩm truyền thông

STT	Sản phẩm	Số lượng	Số người tiếp cận		Cấp triển khai
			Nam	Nữ	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,

TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.941869

Email: congbao@dongnai.gov.vn

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>